

Số: *1048* /SGDDĐT-TCCB  
Về việc hướng dẫn xếp chuyển chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập

Quảng Ngãi, ngày *05* tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Sở.

Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS (*Nghị định 71*);

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập (*Thông tư 02*); Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các trường THCS công lập (*Thông tư 03*); Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập (*Thông tư 04*);

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Theo Công văn số 1431/SNV-CVVC của Sở Nội vụ ngày 25/6/2021 về việc hướng dẫn chuyển xếp chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các đơn vị như sau:

### **I. Đối với giáo viên tiểu học (TH)**

1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) giáo viên TH theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN giáo viên TH công lập (*Thông tư 21*) nếu đạt các tiêu chuẩn của hạng CDNN theo quy định tại Thông tư số 02 thì được bổ nhiệm vào hạng CDNN giáo viên TH theo Thông tư 02, như sau:

a) Giáo viên tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09 được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên TH hạng III, mã số V.07.03.29 (*áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98*);

b) Giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.08 được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên TH hạng III, mã số V.07.03.29 (*áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98*);

c) Giáo viên TH hạng II, mã số V.07.03.07 được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên TH hạng II, mã số V.07.03.28 (*áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2, từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38*).



2. Trường hợp giáo viên TH chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên TH theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư 02 thì xếp chuyên như sau:

- Giáo viên TH hạng IV (mã số V.07.03.09) chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên TH theo quy định tại Điều 3 Thông tư 02 thì giữ nguyên mã số V.07.03.09 và áp dụng hệ số lương của viên chức loại B (hệ số từ 1,86 đến 4,06) cho đến khi đạt trình độ chuẩn được đào tạo thì được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên TH hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc cho đến khi nghỉ hưu nếu không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định 71.

- Giáo viên TH hạng III (mã số V.07.03.08) chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên TH theo quy định tại Điều 3 Thông tư 02 thì giữ nguyên mã số V.07.03.08 và áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 (hệ số từ 2,10 đến 4,89) cho đến khi đạt trình độ chuẩn được đào tạo thì được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên TH hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc cho đến khi nghỉ hưu nếu không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định 71.

- Giáo viên TH hạng II (mã số V.07.03.07) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng tương ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư 02 thì được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên TH hạng III (mã số V.07.03.29). Sau khi đạt các tiêu chuẩn của hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư 02 thì được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên TH hạng II (mã số V.07.03.28) mà không phải thông qua kỳ thi hoặc xét thăng hạng.

## **II. Đối với giáo viên trung học cơ sở (THCS)**

1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng CDNN giáo viên THCS theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN giáo viên THCS công lập (Thông tư 22) nếu đạt các tiêu chuẩn của hạng CDNN theo quy định tại Thông tư 03 thì được bổ nhiệm vào hạng CDNN giáo viên THCS, như sau:

a) Giáo viên THCS hạng III, mã số V.07.04.12 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng III, mã số V.07.04.32 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

b) Giáo viên THCS hạng II, mã số V.07.04.11 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II, mã số V.07.04.31 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2, từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38);

c) Giáo viên THCS hạng I, mã số V.07.04.10 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng I, mã số V.07.04.30 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1, từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78).



2. Trường hợp giáo viên THCS chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên THCS theo quy định tại Điều 3, 4, 5 Thông tư 03 thì xếp chuyển như sau:

a) Giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.12) chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên THCS theo quy định tại Điều 3 Thông tư 03 thì giữ nguyên mã số V.07.04.12 và áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 (từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89) cho đến khi đạt trình độ chuẩn được đào tạo thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.32) hoặc cho đến khi nghỉ hưu nếu không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71.

b) Giáo viên THCS hạng II (mã số V.07.04.11) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng tương ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư 03 thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.32). Sau khi đạt các tiêu chuẩn của hạng II (mã số V.07.04.31) thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II (mã số V.07.04.31) mà không phải thông qua kỳ thi hoặc xét thăng hạng.

c) Giáo viên THCS hạng I (mã số V.07.04.10) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng tương ứng theo quy định tại Điều 5 Thông tư 03 thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II (mã số V.07.04.31). Sau khi đạt các tiêu chuẩn của hạng I (mã số V.07.04.30) thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng I (mã số V.07.04.30) mà không phải thông qua kỳ thi hoặc xét thăng hạng.

### III. Đối với giáo viên trung học phổ thông (THPT)

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng CDNN giáo viên THPT theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT công lập (Thông tư 23) nay được xếp hạng CDNN tương đương theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04, như sau:

a) Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số V.07.05.15 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

b) Giáo viên trung học phổ thông hạng II, mã số V.07.05.14 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2, từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38);

c) Giáo viên trung học phổ thông hạng I, mã số V.07.05.13 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1, từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78).

### IV. Một số lưu ý

- Việc bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên đúng vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn CDNN ở từng hạng.

- Yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III áp dụng đối với: (1) giáo viên tiểu học được tuyển dụng sau ngày Thông tư số 02 có hiệu lực thi hành và giáo viên tiểu học hạng III cũ được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III mới; (2) giáo



viên THCS, trung học phổ thông được tuyển dụng sau ngày Thông tư số 03, 04 có hiệu lực thi hành. Những trường hợp không thuộc đối tượng nêu trên thì chưa yêu cầu bổ sung chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III theo quy định.

- Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp có giá trị thay thế trong trường hợp giáo viên phổ thông công lập thay đổi chức danh nghề nghiệp ở cùng hạng (*giáo viên ở cấp học này chuyển sang cấp học khác cùng hạng chức danh nghề nghiệp*).

- Theo quy định tại các Thông tư số 02, 03, 04, chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II, hạng III; giáo viên THCS hạng I, hạng II; giáo viên trung học phổ thông hạng I, hạng II quy định tại các Thông tư liên tịch số 21,22,23 được công nhận là tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hạng tương ứng quy định tại các Thông tư số 02, 03, 04.

Do đó, trường hợp giáo viên phổ thông công lập đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng cao hơn hạng hiện giữ thì sẽ được sử dụng trong việc thăng hạng sau này, đồng thời cần bổ sung chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng hiện giữ (*nếu còn thiếu*) để được bổ nhiệm vào hạng tương ứng theo quy định mới.

**V. Hồ sơ đề nghị chuyển xếp chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức gồm có:**(02 bộ hồ sơ: đơn vị lưu 01 bộ và nộp về Sở GDĐT 01 bộ)

- Văn bản của đơn vị kèm theo danh sách đề nghị phương án bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức (*có biểu mẫu kèm theo*).

- Hồ sơ cá nhân của viên chức: Quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm vào ngạch; quyết định nâng bậc lương gần nhất; văn bằng, chứng chỉ có liên quan (*trình độ chuyên môn, chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN tương ứng với hạng được chuyển xếp*).

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện và nộp hồ sơ về Sở GDĐT qua Phòng Tổ chức cán bộ **trước ngày 10/8/2021**, đồng thời mail biểu mẫu qua email: [tccb@quangngai.edu.vn](mailto:tccb@quangngai.edu.vn)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Ngọc Thái**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
 ĐƠN VỊ: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC**  
 (Kèm theo Công văn số ...../SGDDT-TCCB ngày ..... /7/2021 của Sở GDĐT)



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị công tác	Chức vụ/ vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CNNN	Chức danh nghề nghiệp, lương hiện hưởng				Chức danh nghề nghiệp, lương chuyên xếp				Ghi chú		
								Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số lương + % PCTN VK	Thời gian nâng lương lần sau	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương		Hệ số lương + % PCTN VK	Thời gian nâng lương, xét PCTNVK lần sau
1	Nguyễn Văn B	20/7/1990	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo hòa nhập tỉnh	Giáo viên	Đại học Giáo dục tiểu học		X	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	5/12	2,66	01/12/2020	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	2/9	2,67	01/12/2020	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III
2	Nguyễn Văn C	15/02/1988	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh	Giáo viên	Đại học giáo dục tiểu học		X	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06	01/9/2019	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	1/8	2,34	Kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào ngạch mới	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III
3	Nguyễn Văn A	10/10/1978	Trường THCS THPT Phạm Kiệt	Giáo viên	Cử nhân Ngữ văn	Cấp ngày 10/02/2011	X	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	6/10	3,65	01/02/2019	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	5/9	3,66	01/02/2019	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng III
4	Nguyễn Thị C	01/01/1980	Trường THPT...	Giáo viên	Đại học SP Hóa học		X	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6/9	3,99	01/5/2021	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6/9	3,99	01/5/2021	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THPT hạng III

Danh sách này có ..... người./.